|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ 1**  **Thuvienhoclieu.com** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 2 - NĂM HỌC 2021 –2022**  **MÔN SINH 11** |

***Câu 1***. Trong cung phản xạ, gồm lần lượt các bộ phận là?

A. tiếp nhận kích thích → phân tích và tổng hợp thông tin → phản hồi thông tin.

B. tiếp nhận kích thích → thực hiện phản ứng → phân tích và tổng hợp thông tin → phản hồi thông tin.

C. tiếp nhận kích thích → phân tích và tổng hợp thông tin → thực hiện phản ứng.

D. tiếp nhận kích thích → trả lời kích thích → thực hiện phản ứng

***Câu 2*.** Người ta sử dụng auxin nhằm mục đích

A. kích thích ra rễ ở cành giâm, cành chiết, hạn chế tỉ lệ thụ quả,  tạo quả không hạt, nuôi cấy mô và tế bào thực vật.

B. kích thích ra rễ ở cành giâm, cành chiết,  tăng tỷ lệ thụ quả, tạo quả không hạt, nuôi cấy mô và tế bào thực vật

C. hạn chế ra rễ ở cành giâm, cành chiết,  tăng tỷ lệ thụ quả,  tạo quả không hạt,  nuôi cấy mô và tế bào thực vật.

D. kích thích ra rễ ở cành giâm,  cành chiết,  giảm tỉ lệ thụ quả,  tạo quả không hạt,  nuôi cấy mô và tế bào thực vật.

***Câu 3.*** Cho các tập tính sau:

(1) Chim tu hú đẻ trứng vào tổ của loài chim khác.

(2) Hươu đực quệt dịch ở tuyến nằm cạnh mắt vào cây.

(3) Chim di cư theo mùa để tránh rét.

(4) Trong đàn gà, con đàu đàn có thể mổ bất kì con nào.

Trong các tập tính trên, tập tính nào là tập tính bảo vệ lãnh thổ?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

***Câu 4***. Thụ thể tiếp nhận chất trung gian hóa học nằm ở?

A. màng trước xináp       B. khe xináp C. chùy xináp       D. màng sau xináp

***Câu 5*.** Sinh trưởng thứ cấp là sự tăng trưởng bề ngang của cây.

A. do mô phân sinh bên của cây thân thảo tạo ra.

B. do mô phân sinh bên của cây thân gỗ tạo ra.

C. do mô phân sinh bên của cây Một lá mầm tạo ra.

D. do mô phân sinh lóng của cây tạo ra.

***Câu 6*.** Cho các ứng dụng những hiểu biết về tập tính ở động vật như sau:

(1) Dạy chó cắn người. (2) Dạy khỉ, voi làm xiếc

(3) Sử dụng chó nghiệp vụ để phát hiện ma túy và bắt kẻ gian.

(4) Nghe tiếng kẻng trâu bò nuôi trở về chuồng.

Có bao nhiêu trường hợp không phải là ứng dụng những hiểu biết về tập tính ở động vật?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

***Câu 7*.** Nhằm tăng sản lượng đường thu được trên một đơn vị diện tích trồng mía, người ta sử dụng hoocmon nào sau đây để phun lên cây mía?

A. Auxin B. Gibêrelin C. Xitokinin D. Axit abxixic

***Câu 8***. Cho các phát biểu sau:

(1) Đối với cây lấy sợi, xử lí giberelin sẽ giúp tăng chiều dài sợi đáng kể.

(2) Chỉ có đỉnh sinh trưởng của thân chính mới có khả năng tổng hợp được auxin.

(3) Các loài thực vật như tre, mía, bắp…có sinh trưởng thứ cấp nhờ mô phân sinh lóng.

(4) Sinh trưởng thứ cấp chỉ có ở cây 2 lá mầm.

Trong các phát biểu trên, có bao nhiêu phát biểu đúng?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

***Câu 9***.Ở người, hoocmon tirôxin do tuyến nội tiết nào trong cơ thể tiết ra?

A. Buồng trứng B. Tinh hoàn C. Tuyến yên D. Tuyến giáp

***Câu 10.*** Biện pháp nào sau đây không phải là biện pháp tác động lên sinh trưởng và phát triển ở động vật nhằm nâng cao năng suất.

A. Sử dụng chất kích thích sinh trưởng B. Cải tạo giống bằng phương pháp lai

C. Ứng dụng công nghệ phôi D. Cải thiện môi trường sống của động vật

***Câu 11*.** Cho các hình thức sau:

(1) Bóng đen ập xuống lần đầu thì gà con ẩn nấp nhưng lặp lại nhiều lần, gà con không chạy đi ẩn nấp nữa là kiểu học khôn.

(2) Ngỗng con mới nở chạy theo người là kiểu học tập in vết

(3) Sau nhiều lần gõ kẻng và cho cá ăn, cứ gõ kẻng là cá nổi lên mặt nước, đây là kiểu học tập quen nhờn

(4) Tinh tinh xếp các thùng gỗ chồng lên nhau để lấy chuối trên cao là kiểu học khôn.

Xác định ý đúng (Đ)/sai (S)?

A. 1S, 2Đ, 3Đ, 4S A. 1S, 2Đ, 3S, 4Đ

C. 1S, 2Đ, 3S, 4S D. 1Đ, 2Đ, 3S, 4S

***Câu 12*.** Cho các ý sau:

(1) Thúc quả chóng chín (2) ức chế rụng lá và rụng quả

(3) kích thích rụng lá, rụng quả (4) kìm hãm rụng lá, rụng quả

Ý nào đúng về vai trò của etilen là?

A. (2), (4) và (3)        B. (2), (3) C. (1), (3)        D. (1), (3) và (4)

**II. Tự luận** ( 6 điểm)

**Câu 1**

**a**. Cho các nhóm động vật sau: thủy tức, giun tròn, cá miệng tròn, chuồn chuồn, ếch, tôm, hải quỳ, thỏ. Hãy sắp xếp các nhóm động vật tương ứng với các dạng hệ thần kinh? Phân biệt các hệ thần kinh đó về cấu tạo cơ bản, hiệu quả cảm ứng?

**b**. Phân biệt vị trí, vai trò của các loại mô phân sinh ở thực vật?

**Câu 2**

**a**. Nêu diễn biến của quá trình truyền tin qua xinap hóa học?

**b**. Chất Curare thường được người thổ dân tẩm vào đầu các mũi tên để săn bắt. Khi trúng tên con thú không thể chạy được nữa và ngã xuống. Dựa vào truyền tin qua xinap, hãy giải thích vì sao?

**Câu 3**

**a**. Cho các tập tính sau: Nhện giăng tơ, xiếc khỉ đi xe đạp, ve sầu kêu vào mùa hè, chuột chạy khi nghe tiếng mèo kêu. Tập tính nào là tập tính bẩm sinh, tập tính học được? Phân biệt khái niệm, cơ sở thần kinh của 2 dạng tập tính này?

**b**. Dựa vào các hoocmon ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển ở người. Hãy giải thích:

- Tuyến yên tiết quá ít hoặc quá nhiều hoocmon sinh trưởng (GH) vào giai đoạn trẻ em, gây hậu quả gì? Vì sao?

- Tại sao thiếu iôt trẻ em ngừng lớn hoặc chậm lớn, chịu lạnh kém, não ít nếp nhăn, trí tuệ chậm phát triển?

---Hết---

**ĐÁP ÁN**

**I) PHẤN TRẮC NGHIỆM**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| ***Đ/A*** | C | B | B | D | B | A | B | B | D | A | B | C |

**II) PHẤN TỰ LUẬN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **ĐÁP ÁN** | **ĐIỂM** |
| **1a** | |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Nội dung | HTK dạng lưới | HTK dạng chuỗi ạch | HTK dạng ống | | Đại điện (Động vật) | Thủy tức, hải quỳ | Giun tròn, chuồn chuồn, tôm | Cá miệng tròn, ếch, thỏ | | Cấu tạo cơ bản | - Các tế bào thần kinh, dây thần kinh, nằm rải khắp cơ thể  -> mạng lưới | - Hạch thần kinh: Hạch não, hạch ngực, hạch bụng  - Các dây thần kinh | - TK trung ương: Não, tủy sống  - TK ngoại biên: dây thần kinh, hạch thần kinh. | | Hiệu quả | - Phản ứng toàn thân, chưa chính xác, tốn nhiều năng lượng | - Phản ứng định khu, chính xác hơn, tốn ít năng lượng hơn dạng lưới | - Phản ứng chính xác, tốn ít năng lượng. | | 0,25  0,5  0,25 |
| **1b** | |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Nội dung | Mô phân sinh đỉnh | Mô phân sinh bên | Mô phân sinh lóng | | Vị trí | Chồi đỉnh, chồi nách, đỉnh rễ | Thân | Mắt lóng | | Vai trò | - Làm cho thân, rễ dài ra | - Làm dày (to) thân, rễ | - Làm cho lóng dài ra | | 0,25  0,25  0,5 |
| 2a | - 3 giai đoạn  + giai đoạn 1: Xung thần kinh đến chùy xinap -> làm Ca2+ đi vào trong chùy  + giai đoạn 2: Ca2+ làm bóng chứa chất TGHH gắn vào màng trước, vỡ ra, chất TGHH đi qua khe, đến màng sau  + giai đoạn 3: chất TGHH gắn vào thụ thể màng sau xinap-> làm xuất hiện xung thần kinh lan truyền. | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **2b** | - Vì Curare có tác dụng:  + phong bế màng sau xinap thần kinh-cơ  + gây liệt cơ  + khi trúng tên-> thú không chạy được (xung thần kinh ở nõa không thể truyền đến cơ xương) | 0,5  0,25  0,25 |
| **3a** | - Tập tính bẩm sinh: Nhện giăng tơ, ve sầu kêu vào mùa hè  - Tập tính học được: xiếc khỉ đi xe đạp, chuột chạy khi nghe tiếng mèo kêu   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Tập tính bẩm sinh | Tập tính học được | | Khái niệm | - Là tập tính sinh ra đã có, di truyền từ bố mẹ, đặc trưng cho loài | - Là tập tính hình thành trong quá trình sống, do học tập, rút kinh nghiệm. | | Cơ sở thần kinh | - Là 1 chuỗi phản xạ không điều kiện | - Là 1 chuỗi phản xạ có điều kiện | | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **3b** | b. – Hoocmon GH ở giai đoạn trẻ em tiết ra:  + Quá nhiều: gây bệnh khổng lồ; quá ít: người bé nhỏ  + Vì GH có tác dụng: kích thích phân chia tế bào, tăng tổng hợp prôtêin, kích thích phát triển xương (to và dài)  - Do iot là thần phần cấu tạo nên hoocmon Tirôxin.  + Thiếu iôt-> thiếu tirôxin-> quá trình chuyển hóa và sinh trưởng phát triển sẽ không bình thường-> gây hậu quả trên. | 0,25  0,25  0,25  0,25 |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ 2**  **Thuvienhoclieu.com** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 2 - NĂM HỌC 2021 –2022**  **MÔN SINH 11** |

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (6 điểm)**

**Câu 1:** Sinh trưởng và phát triển của động vật qua biến thái không hoàn toàn là trường hợp ấu trùng phát triển

**A.** chưa hoàn thiện, qua nhiều lần biến đổi ấu trùng biến thành con trưởng thành.

**B.** chưa hoàn thiện, qua nhiều lần lột xác ấu trùng biến thành con trưởng thành.

**C.**hoàn thiện, qua nhiều lần biến đổi ấu trùng biến thành con trưởng thành.

**D.** chưa hoàn thiện, qua một lần lột xác ấu trùng biến thành con trưởng thành.

**Câu 2:** Có các nhân tố chi phối sự ra hoa: tuổi cây, sự xuân hóa, quang chu kỳ và phitôcrôm. Bằng chứng nào dưới đây là ví dụ của hiện tượng xuân hóa?

**A.** Cây bắp cải ra hoa khi nhiệt độ là – 30C.

**B.** Cây lúa mì châu Âu ra hoa khi nhiệt độ là 40C.

**C.**Cây hoa thược dược ra hoa trong tháng 12 nhiều hơn khi được bấm ngón vào tháng 11.

**D.**Cây ngắn ngày ra hoa vào tháng 10.

**Câu 3:** Bần, mạch rây thứ cấp, mạch gỗ thứ cấp là kết quả của hoạt động của:

**A.**mô phân sinh đỉnh.                                            **B.** mô phân sinh bên.

**C.** tầng phân sinh bên.                                           **D.**tầng sinh bần.

**Câu 4:** Những hoocmôn nào sau đây thuộc nhóm hoocmôn kích thích?

**A.** AIA, êtilen, axit abxixic.                                  **B.**xitôkinin, êtilen, axit abxixic.

**C.** AIA, GA, xitôkinin.                                           **D.** AIA, GA, êtilen.

**Câu 5:** Nhân tố nào sau đây là nhân tố bên trong tham gia điều hòa quá trình sinh trưởng và phát triển ở động vật?

**A.** Thức ăn.                   **B.** Hoocmon.                    **C.** Ánh sáng.                    **D.** Nhiệt độ.

**Câu 6:** Khi nói về biến thái ở động vật, phát biểu nào sau đây là đúng?

**A.** Giữa các giai đoạn có sự thay đổi đột ngột về hình thái, cấu tạo và sinh lý của động vật trong quá trình sinh trưởng và phát triển.

**B.**Giữa các giai đoạn có sự thay đổi đột ngột về hình thái, cấu tạo và sinh lý của động vật trong giai đoạn hậu phôi.

**C.**Giữa các giai đoạn có sự thay đổi đột ngột về hình thái trong quá trình sinh trưởng và phát triển của động vật.

**D.** Giữa các giai đoạn có sự thay đổi đột ngột về sinh lí trong quá trình sinh trưởng và phát triển của động vật.

**Câu 7:** Hậu quả của việc tuyến yên sản xuất ra lượng hooc môn sinh trưởng **không** bình thường ở giai đoạn trẻ em là:

(1) Người bé nhỏ khi có quá ít hooc môn sinh trưởng được sản xuất.

(2) Người khổng lồ khi cơ thể sản xuất quá nhiều hooc môn sinh trưởng.

(3) Người bình thường khi lượng hooc môn sinh trưởng được sản xuất nhiều hoặc ít.

(4) Tạo nên người dị dạng khi thừa hoặc thiếu hooc môn sinh trưởng.

**A.** (1), (2) và (3).               **B.** (1) và (3).              **C.** (1), (2) và (4).         **D.** (1) và (2).

**Câu 8:** Cho các phát biểu sau:

I. Trong hạt khô, GA đạt trị số cực đại, AAB rất thấp. Trong hạt nảy mầm GA giảm xuống rất mạnh; còn AAB đạt trị số cực đại.

II. Giberelin có tác dụng làm dài các lóng thân ở cây 1 lá mầm.

III. Auxin có tác dụng kích thích ra rễ phụ ở cành giâm.

IV. Etilen có tác dụng gây rụng lá, rụng quả.

Số phát biểu sai là:

**A.**2.                               **B.**4.                                   **C.** 1.                                   **D.**3.

**Câu 9:** Xét các yếu tố sau:

(1) Căng thẳng thần kinh (stress).

(2) Thiếu ăn, suy dinh dưỡng.

(3) Chế độ ăn không hợp lý gây rối loạn trao đổi chất của cơ thể.

(4) Sợ hãi, lo âu.

(5) Buồn phiền kéo dài và nghiện thuốc lá, nghiện rượu, nghiện ma túy.

(6) Nhiệt độ môi trường tăng giảm đột ngột.

Có bao nhiêu yếu tố gây rối loạn quá trình sinh trứng và làm giảm khả năng sinh tinh trùng?

**A.** 4.                               **B.** 3.                                   **C.** 6.                                   **D.** 5.

**Câu 10:** Ròng là mạch

**A.** gỗ thứ cấp trẻ.                                                    **B.** rây thứ cấp già.

**C.** rây thứ cấp trẻ.                                                   **D.**gỗ thứ cấp già.

**Câu 11:** Kiểu phát triển của động vật không qua biến thái là kiểu phát triển mà còn non có đặc điểm hình thái,

**A.** cấu tạo và sinh lý tương tự với con trưởng thành.

**B.**cấu tạo và sinh lý gần giống với con trưởng thành.

**C.** sinh lý rất khác với con trưởng thành.

**D.**cấu tạo tương tự với con trưởng thành, nhưng khác về sinh lý.

**Câu 12:** Tại sao các cây cau, mía, tre,… có đường kính ngọn và gốc ít chênh lệch so với các cây thân gỗ?

**A.** Mô phân sinh của cây cau, mía, tre,… chỉ hoạt động đến một giai đoạn nhất định thì dừng lại.

**B.** Cây thân gỗ có chu kì sống dài nên kích thước gốc ngày càng lớn.

**C.**Cây cau, mía, tre,… không có mô phân sinh bên, cây thân gỗ thì có mô phân sinh bên.

**D.**Cây cau, mía, tre,… có giai đoạn ngừng sinh trưởng còn cây thân gỗ thì không.

**Câu 13:** Một cây ngày dài có độ dài ngày tới hạn là 15 giờ sẽ ra hoa. Chu kì chiếu sáng nào dưới đây sẽ làm cây không ra hoa?

**A.** 14h chiếu sáng/ 10h che tối.                            **B.** 16h chiếu sáng/ 8h che tối.

**C.** 4h chiếu sáng/ 8h che tối.                                **D.** 15,5h chiếu sáng/ 8,5h che tối.

**Câu 14:** Tại sao tắm vào lúc ánh sáng yếu có lợi cho sự sinh trưởng và phát triển của trẻ nhỏ?

**A.**Vì tia tử ngoại làm cho tiền vitamin D biến thành vitamin D có vai trò chuyển hoá K để hình thành xương.

**B.** Vì tia tử ngoại làm cho tiền vitamin D biến thành vitamin D có vai trò chuyển hoá Ca để hình thành xương.

**C.** Vì tia tử ngoại làm cho tiền vitamin D biến thành vitamin D có vai trò ôxy hoá để hình thành xương.

**D.**Vì tia tử ngoại làm cho tiền vitamin D biến thành vitamin D có vai trò chuyển hoá Na để hình thành xương.

**Câu 15:** Vì sao nòng nọc có thể phát triển thành ếch, nhái?

**A.** Tuyến yên tiết tirôxin biến nòng nọc thành ếch nhái.

**B.** Tuyến yên tiết juvenin biến nòng nọc thành ếch nhái.

**C.**Tuyến giáp tiết juvenin biến nòng nọc thành ếch nhái.

**D.**Tuyến giáp tiết tirôxin biến nòng nọc thành ếch nhái.

**Câu 16:** Quá trình nào sau đây là quá trình sinh trưởng của thực vật?

**A.**Cơ thể thực vật rụng lá, hoa.                         **B.**Cơ thể thực vật tạo hạt.

**C.** Cơ thể thực vật tăng kích thước.                  **D.** Cơ thể thực vật ra hoa.

**Câu 17:** Có thể tạo quả không hạt bằng cách sử dụng hóa chất nào sau đây?

**A.**Êtilen và gibêrelin.                                            **B.**Êtilen và auxin.

**C.**Gibêrelin và xitôkinin.                                     **D.** Auxin và gibêrelin.

**Câu 18:** Khi nói về mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển đời sống sinh vật, có bao nhiêu phát biểu nào sau đây là đúng?

1. Là hai quá trình độc lập nhau.

2. Là hai quá trình liên quan mật thiết với nhua, bổ sung cho nhau.

3. Sinh trưởng là điều kiện của phát triển.

4. Phát triển làm thay đổi sinh trưởng.

5. Sinh trưởng là một phần của phát triển.

6. Sinh trưởng thường diễn ra trước, sau đó phát triển mới diễn ra.

**A.** 3.                               **B.** 4.                                   **C.** 6.                                   **D.** 5.

**Câu 19:** Cho các phát biểu sau:

I. Yếu tố ngoại cảnh ảnh hưởng lớn nhất đến sự sinh trưởng và phát triển của người và động vật là yếu tố di truyền.

II. Có 2 kiểu phát triển của động vật là phát triển qua biến thái hoàn toàn và phát triển qua biến thái không hoàn toàn.

III. Testosteron có tác dụng gây ra các đặc điểm sinh dục phụ thứ cấp ở con đực.

IV. Khi đến mùa rét cơ thể động vật biến nhiệt bị mất nhiệt làm cho sự chuyển hoá trong cơ thể giảm, sinh sản tăng.

Số phát biểu đúng là:

**A.**4.                               **B.** 1.                                   **C.** 3.                                   **D.** 2.

**Câu 20:** Hoocmôn có vai trò gây đóng khí khổng là:

**A.** etilen.                       **B.**axuin.                           **C.** gibêrelin.                     **D.** axit abxixic.

**Câu 21:** Loại hoocmon nào sau đây liên quan đến bệnh bướu cổ?

**A.**Testosteron.            **B.**Tiroxin.                        **C.**Otrogen.                       **D.**Insualin.

**Câu 22:** Trong các nhân tố sau đây, có bao nhiêu nhân tố chi phối sự ra hoa ở thực vật?

(1) Tuổi cây và nhiệt độ.                 (2) Quang chu kỳ và phitocrom.

(3) Hooc môn ra hoa (florigen)      (4) Nước, mưa, gió…

**A.** 3.                               **B.** 2.                                   **C.**4.                                   **D.** 1.

**Câu 23:** Phát triển của thực vật là toàn bộ những biến đổi diễn ra trong chu kì sống của cá thể biểu hiện

**A.**qua hai quá trình không liên quan với nhau: sinh trưởng, sự phân hoá và phát sinh hình thái tạo nên các cơ quan của cơ thể.

**B.** ở ba quá trình liên quan với nhau: sinh trưởng, sự phân hoá và phát sinh hình thái tạo nên các cơ quan của cơ thể.

**C.**ở ba quá trình không liên quan với nhau: sinh trưởng, sự phân hoá và phát sinh hình thái tạo nên các cơ quan của cơ thể.

**D.** qua hai quá trình liên quan với nhau: sinh trưởng, sự phân hoá và phát sinh hình thái tạo nên các cơ quan của cơ thể.

**Câu 24:** Những động vật nào sau đây phát triển qua biến thái hoàn toàn?

**A.**Lưỡng cư, bò sát, châu chấu.                           **B.** Bướm, châu chấu, gián.

**C.** Ruồi, ong, châu chấu.                                       **D.** Bướm, ruồi, ong, lưỡng cư.

**II. PHẦN TỰ LUẬN (4 điểm)**

**Câu 1:** So sánh sinh trưởng sơ cấp và sinh trưởng thứ cấp ở thực vật? (Vị trí, mô phân sinh, kết quả, lớp thực vật) (1 điểm)

**Câu 2:** Trong sản xuất nông nghiệp khi sử dụng hoocmon thực vật nhân tạo cần chú ý điều gì? (1 điểm)

**Câu 3:** Có những hoocmon nào ảnh hưởng đến sinh trưởng, phát triển của động vật có xương sống? Nguồn gốc và tác dụng từng loại hoocmon như thế nào? (2 điểm)

***------ HẾT ------***

**ĐÁP ÁN**

**I. Đáp án phần trắc nghiệm:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | B | 6 | A | 11 | A | 16 | C | 21 | B |
| 2 | B | 7 | D | 12 | C | 17 | D | 22 | A |
| 3 | B | 8 | C | 13 | A | 18 | B | 23 | B |
| 4 | C | 9 | D | 14 | B | 19 | B | 24 | D |
| 5 | B | 10 | D | 15 | D | 20 | D |  |  |

**II. Đáp án phần tự luận:**

**Câu 1:** So sánh sinh trưởng sơ cấp và sinh trưởng thứ cấp ở thực vật? (1 điểm)

Giống nhau: Đều là quá trình tăng về kích thước (chiều dài, bề mặt, thể tích) của cơ thể do tăng số lượng và kích thước của tế bào.  
Khác nhau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Sinh trưởng sơ cấp | Sinh trưởng thứ cấp |
| Vị trí | Đỉnh thân, đỉnh rễ | Trong thân, rễ |
| Do hoạt động của mô phân sinh | Mô phân sinh đỉnh | Mô phân sinh bên |
| Kết quả | Tăng chiều dài của thân và rễ | Tăng bề ngang của thân và rễ |
| Lớp thực vật | Cây 1 và 2 lá mầm | Cây 2 lá mầm |

**Câu 2:** Trong sản xuất nông nghiệp khi sử dụng hoocmôn thực vật nhân tạo cần chú ý không nên dùng nó đối với nông phẩm được sử dụng trực tiếp làm thức ăn. Vì hoocmôn thực vật nhân tạo không có enzim phân giải nên được tích lũy trong nông phẩm gây độc hại cho người và động vật. (1đ)

**Câu 3:** (2 điểm)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hoocmon | Nguồn gốc | Tác dụng |
| Hoocmon sinh trưởng | Tuyến yên | - Kích thích phân chia tế bào và tăng kích thước của tế bào qua tăng tổng hợp protein.  - Kích thích phát triển xương . |
| Tiroxin | Tuyến giáp | - Kích thích chuyển hoá ở tế bào.  - Kích thích quá trình sinh trưởng và phát triển bình thường của cơ thể. |
| Oestrogen | Buồng trứng | - Kích thích sinh trưởng và phát triển mạnh ở giai đoạn dậy thì nhờ:  - Tăng phát triển xương  - Kích thích phân hoá tế bào để hình thành các đặc điểm sinh dục phụ thứ cấp.  - Riêng testosteron còn làm tăng mạnh tổng hợp protein, phát triển mạnh cơ bắp. |

----------------------------------------------

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ 3**  **Thuvienhoclieu.com** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 2 - NĂM HỌC 2021 –2022**  **MÔN SINH 11** |

**Câu 1.** (*2 điểm*).

1. Kể tên các kiểu dinh dưỡng của VSV? Căn cứ vào đâu để phân thành các kiểu dinh dưỡng trên?
2. Vi khuẩn lam, vi khuẩn oxi hóa lưu huỳnh thuộc vào kiểu dinh dưỡng nào?

**Câu 2**. (*2 điểm*) Sắp xếp các đặc điểm ở các pha trong sự sinh trưởng của quần thể sinh vật phù hợp với từng pha sinh trưởng?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Các pha | Đặc điểm ở các pha sinh trưởng | Trả lời |
| 1.Pha tiềm phát  2.Pha lũy thừa  3.Pha cân bằng  4.Pha suy vong | a . Tổng hợp mạnh mẽ ADN và các enzim chuẩn bị cho phân bào  b.Tốc độ sinh trưởng cũng như trao đổi chất của vi khuẩn giảm dần  c. Số lượng tế bào chết cân bằng với số lượng tế bào sống  d. Sô lượng tế bào chết vượt số lượng tế bào mới được hình thành  e. Quá trình trao đổi chất diễn ra mạnh mẽ nhất  f. Vi khuẩn bắt đầu phân chia, số lượng tế bào tăng theo lũy thừa | 1..............  2..............  3..............  4................ |

**Câu 3**.

1. (*1 điểm*)Phân biệt quá trình hô hấp hiếu khí và lên men.(*Nơi thực hiện, chất nhận electron cuối cùng và hiệu quả năng lượng*)
2. (*1.5 điểm*) Trình bày khái niệm vi sinh vật và các đặc điểm chung của vi sinh vật?

**Câu 4** *(1.5 điểm)*Hãy kể tên 2 thực phẩm được sản xuất bằng cách sử dụng vi khuẩn lên men lactic? Tại sao bình đựng nước đường để lâu ngày khi mở nắp có mùi chua?

**Câu 5** (*2 điểm*)Ở E.coli, khi nuôi cấy trong điều kiện thích hợp thì cứ 20 phút chúng sẽ phân chia một lần. Sau khi được nuôi cấy trong 3 giờ, từ một nhóm cá thể E.coli ban đầu đã tạo ra tất cả 3584 cá thể ở thế hệ cuối cùng.

a. Xác định số lần phân chia của vi khuẩn E.coli?

b. Hãy tính số lượng cá thể E.coli ban đầu?

.........HẾT......

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Thang điểm** |
| **1(2 điểm)** | 1. Kể tên các kiểu dinh dưỡng của VSV? Căn cứ vào đâu để phân thành các kiểu dinh dưỡng trên?   \* Có 4 kiểu dinh dưỡng:  - Quang tự dưỡng  - Quang dị dưỡng  -Hóa tự dưỡng  -Hóa dị dưỡng  \* Căn cứ vào nguồn năng lượng và nguồn cacbon   1. Vi khuẩn lam: quang tự dưỡng   Vi khuẩn oxi hóa lưu huỳnh: hóa tự dưỡng. | 0,25đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ  0.5 đ  0.25đ  0.25đ |
| **2(2 điểm)** | **1.** Pha tiềm phát a . Tổng hợp mạnh mẽ ADN và các enzim chuẩn bị cho phân bào  2.Pha lũy thừa e. Quá trình trao đổi chất diễn ra mạnh mẽ nhất  g. Vi khuẩn bắt đầu phân chia, số lượng tế bào tăng theo lũy thừa  **3.** Pha cân bằng b. Tốc độ sinh trưởng cũng như trao đổi chất của vi khuẩn giảm dần.  c. Số lượng tế bào chết cân bằng với số lượng tế bào sống  **4.** Pha suy vong d. Sô lượng tế bào chết vượt số lượng tế bào mới được hình thành | Đúng ở mỗi pha: 0.5đ. Thiếu 1ý -0.25đ |
| **3(2.5 điểm)** | a.Phân biệt quá trình hô hấp hiếu khí và lên men   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Hô hấp hiếu khí** | **Lên men** | | Nơi thực hiện | - Ở SV nhân thực chuỗi truyền điện tử ở màng trong ti thể.  - Ở SV nhân sơ diễn ra ngay trên màng sinh chất. | Trong tế bào chất | | Chất nhận electron cuối cùng | Ôxi phân tử. | Các phân tử hữu cơ. | | Hiệu quả năng lượng | Cao | Thấp |   b. Trình bày khái niệm vi sinh vật và các đặc điểm chung của vi sinh vật?  -Vi sinh vật là những cơ thể sống có kích thước hiển vi.  -Các đặc điểm chính của vi sinh vật:  + Kích thước nhỏ,không thể nhìn thấy bằng mắt thường  + Hấp thụ, chuyển hóa dinh dưỡng nhanh  +Sinh sản nhanh  +Phân bố rộng | 0,25đ  0.5đ  0.25đ  0.5đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ |
| **4(1.5 điểm)** | -Hãy kể tên 2 thực phẩm được sản xuất bằng cách sử dụng vi khuẩn lên men lactic?  +Dưa chua  +Sữa chua.  -Tại sao bình đựng nước đường để lâu ngày khi mở nắp có mùi chua?   Bình đựng nước đường xảy ra quá trình lên men rượu.  HS phải viết được sơ đồ:  C6H12O6-> 2CH3CHOHCOOH+CO2+ATP+C2H5OH. | 0.25đ  0.25đ  0.5đ  0.5đ |
| **5(2 điểm)** | a. Xác định số lần phân chia của vi khuẩn E.coli?  + Số lần phân chia: n= 3x60/ 20= 9 (lần)  b. Hãy cho biết nhóm ban đầu có bao nhiêu cá thể?  + Số cá thể ban đầu : N0 x 29 = 3584(tế bào)   * N0 = 7 tế bào | 1 điểm  1 điểm |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ 4**  **Thuvienhoclieu.com** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 2 - NĂM HỌC 2021 –2022**  **MÔN SINH 11** |

**Câu 1**. (*2 điểm*).

1. Kể tên các kiểu dinh dưỡng của VSV? Căn cứ vào đâu để phân thành các kiểu dinh dưỡng trên?
2. Trùng giày, vi khuẩn lục không chứa lưu huỳnh thuộc vào kiểu dinh dưỡng nào?

**Câu 2**. (*2 điểm*). Hãy ghép các đặc điểm sinh trưởng của vi sinh vật ở cột B phù hợp với pha sinh trưởng ở cột A trong nuôi cấy

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Các pha | Đặc điểm ở các pha sinh trưởng | Trả lời |
| 1. Pha tiềm phát  2. Pha lũy thừa  3. Pha cân bằng  4. Pha suy vong | a. Số lượng tế bào sinh ra vượt cao hơn số lượng tế bào chết đi  b. Sinh trưởng của vi sinh vật bị ức chế mạnh do các độc tố  c. Vi sinh vật bắt đầu sinh trưởng  d. Tốc độ phân chia nhanh, thời gian thế hệ không đổi  e. Vi sinh vật thích ứng với môi trường mới.  f. Số lượng tế bào cực đại và không đổi theo thời gian | 1..............  2..............  3..............  4................ |

**Câu 3**.

1. (*1 điểm*) Phân biệt quá trình hô hấp kị khí và lên men.(*Nơi thực hiện, chất nhận electron cuối cùng và hiệu quả năng lượng*)
2. *(1.5 điểm)* Trình bày khái niệm vi sinh vật và các đặc điểm chung của vi sinh vật?

**Câu 4.** (*1.5 điểm*) Hãy kể tên 2 thực phẩm được sản xuất bằng cách sử dụng vi sinh vật phân giải protein? Tại sao bình đựng nước thịt để lâu ngày khi mở nắp có mùi thối?

**Câu 5**.(*2 điểm*) Loài vi khuẩn A có thời gian thế hệ là 45 phút. 200 cá thể của loài được sinh trưởng trong môi trường nuôi cấy liên tục và sau một thời gian, người ta thu được tất cả 3200 cá thể ở thế hệ cuối cùng .

1. Xác định số lần phân chia của loài vi khuẩn A?
2. Hãy tính thời gian nuôi cấy của nhóm cá thể ban đầu?

**.........HẾT.......**

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Thang điểm** |
| **1(2 điểm)** | 1. Kể tên các kiểu dinh dưỡng của VSV? Căn cứ vào đâu để phân thành các kiểu dinh dưỡng trên?   \* Có 4 kiểu dinh dưỡng:  - Quang tự dưỡng  - Quang dị dưỡng  -Hóa tự dưỡng  -Hóa dị dưỡng  \* Căn cứ vào nguồn năng lượng và nguồn cacbon  b.Trùng giày: hóa dị dưỡng  Vi khuẩn lục không chứa lưu huỳnh: quang dị dưỡng | 0,25đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ  0.25đ |
| **2(2 điểm)** | **1.** Pha tiềm phát c. Vi sinh vật bắt đầu sinh trưởng  e.Vi sinh vật thích ứng với môi trường mới.  **2.** Pha lũy thừa a. Số lượng tế bào sinh ra vượt cao hơn số lượng tế bào chết đi  d. Tốc độ phân chia nhanh, thời gian thế hệ không đổi  **3.** Pha cân bằng f. Số lượng tế bào cực đại và không đổi theo thời gian  **4.** Pha suy vong b. Sinh trưởng của vi sinh vật bị ức chế mạnh do các độc tố | Đúng ở mỗi pha: 0.5đ. Thiếu 1ý -0.25đ |
| **3(2.5 điểm)** | a.Phân biệt quá trình hô hấp hiếu khí và lên men.   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Hô hấp kị khí** | **Lên men** | | Nơi thực hiện | Màng sinh chất | Trong tế bào chất | | Chất nhận điện tử cuối cùng | Chất vô cơ không phải ôxi: NO3, SO4. | Các phân tử hữu cơ. | | Hiệu quả năng lượng |  | Thấp |   b. Trình bày khái niệm vi sinh vật và các đặc điểm chung của vi sinh vật?  -Vi sinh vật là những cơ thể sống có kích thước hiển vi.  -Các đặc điểm chính của vi sinh vật:  + Kích thước nhỏ,không thể nhìn thấy bằng mắt thường  + Hấp thụ, chuyển hóa dinh dưỡng nhanh  +Sinh sản nhanh  +Phân bố rộng | 0,25đ  0.25đ  0.5đ  0.5đ  0.2đ  0.25đ  0,25đ  0.25đ |
| **4(1.5 điểm)** | Hãy kể tên 2 thực phẩm được sản xuất bằng cách sử dụng vi sinh vật phân giải protein?  -nước mắm  -Tương  Tại sao bình đựng nước thịt để lâu ngày khi mở nắp có mùi thối?   Bình đựng nước thịt xảy ra quá trình phân giải prôtêin, amôniac bay ra.  HS phải viết được sơ đồ:  Protein-> polipeptit-> đipeptit->axitamin->NH­3 | 0.25đ  0.25đ  0.5đ  0.5đ |
| **5(2 điểm)** | a. Xác định số lần phân chia của vi khuẩn E.coli?  + Số lần phân chia: Nt = N0 x 2n -> 2­n = 3200/200= 16-> n =4 (lần)  b. Hãy tính thời gian nuôi cấy của nhóm cá thể ban đầu?  + Thời gian nuôi cấy của nhóm cá thể ban đầu : t = 4x 45 = 180 phút   * N0 = 7 tế bào | 1 điểm  1 điểm |